

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2024

V/v tranh chấp: "Ly hôn, giao nuôi
con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC - TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Tám và ông Đỗ Hồng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1983; (Có mặt).

HKTT: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi cư trú: Khu A, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1979; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình T đăng ký kết hôn với nhau ngày 11/9/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống

chung với gia đình anh T tại thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu đầm ấm, hạnh phúc. Đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không quan tâm đến chị và các con. Mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình anh T đều không có trách nhiệm cùng chị lo toan. Chị đã nói chuyện với anh T rất nhiều lần nhưng anh T không thay đổi mà dẫn đến vợ chồng xích mích to tiếng cãi chửi nhau. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay. Đến nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa chị và anh T không thể giải quyết được nên đề nghị Tòa án cho chị ly hôn anh Nguyễn Đình T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu là Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 30/4/2005 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 03/11/2012, hiện nay cả hai con đang ở với chị H. Vì cháu G đã trưởng thành nên cháu ở với ai là tùy cháu chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị làm lao động tự do, thu nhập ổn định và đảm bảo cuộc sống cho chị và các con chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ, công sức, đất canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Đình T vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình Tòa án giải quyết, Tòa án đã triệu tập anh T rất nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh T không đến Tòa và không có lý do. Tòa án cùng với chính quyền địa phương đến nhà anh T để làm việc. Khi đến nhà anh T nhà không có công, cửa nhà khóa, gọi không ai thừa. Mẹ anh Thế L bà Trần Thị P có nhà giáp ngay cạnh nhà anh T nhưng cũng không có ở nhà. Tòa án gọi vào số điện thoại 0979118578; là số thuê bao di động của anh T. Qua điện thoại anh T cho biết: Anh và chị H có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn xong chị H về làm dâu và ăn ở chung cùng gia đình anh. Tình cảm vợ chồng ban đầu đầm ấm, hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và trong cách làm ăn kinh tế dẫn đến chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Nay chị H có đơn ly hôn anh. Quan điểm của anh là chị H ly hôn anh là quyền của chị H, anh không có ý kiến gì. Anh không bỏ vợ bỏ con nên anh không đến tòa làm việc.

* Xác minh tại xã Đ thể hiện: Về việc đăng ký kết hôn: Anh T và chị H đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Vào sổ sổ đăng ký số 46/2004 ngày 11/9/2004.

Về tình cảm: Sau khi kết hôn xong chị H về làm dâu và ăn ở chung cùng gia đình anh T. Tình cảm vợ chồng ban đầu đầm ấm, hạnh phúc nên anh chị đã có 02 con chung. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được, chỉ nghe dư luận nói do anh chị thường xuyên to tiếng trong cách sống và trong cách làm ăn kinh tế dẫn đến chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Nay chị H có đơn ly hôn anh T. Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án kiên trì hòa giải để anh chị về đoàn tụ trường hợp anh chị cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 30/4/2005 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 03/11/2012, hiện nay cả hai con đang ở với chị H. Anh T, chị H ly hôn đề nghị Tòa án xem xét điều kiện chỗ ăn ở và điều kiện kinh tế của hai bên để giao con nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho các con phát triển toàn diện về thể chất và trí tuệ. Hiện tại anh T làm nghề tự do, thu nhập như thế nào địa phương không nắm được. Chị H hiện tại đã về quê ở huyện T, tỉnh Phú Thọ sinh sống nên địa phương không nắm được công việc và mức thu nhập của chị H. Về hộ khẩu thường trú của anh T: Anh Nguyễn Đình T có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định, bị đơn không đến Tòa án để làm việc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H, xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc H ly hôn anh Nguyễn Đình T; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 03/11/2012 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục (hiện nay cháu K đang ở với chị H); anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H và có

quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn Đình T, anh T hiện trú tại thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Đình T nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để làm việc. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Đình T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H về ăn ở chung cùng anh T và gia đình. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống và cách làm ăn kinh tế. Anh T không quan tâm đến chị H và các con dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Chị H đã nhiều lần động viên, khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Đến tháng 5 năm 2024 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi sống ly thân đến khi Tòa án giải quyết, xét xử, giữa hai bên không có sự quan tâm, hàn gắn tình cảm với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần, nhưng anh T không đến Tòa án làm việc không có lý do. Xét thấy, hôn nhân của anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H ly hôn anh T phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 30/4/2005 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 03/11/2012, hiện nay cả hai con đang ở với chị H. Cháu G đã trưởng thành cháu ở với ai là tùy cháu nên chị H không

yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Cháu K nguyện vọng xin ở với chị H. Xét thấy: Hiện tại chị H có thu nhập và chỗ ăn ở ổn định đảm bảo cho sự phát triển sinh hoạt, học tập của cháu K. Cháu K đã được chị H chuyển đến trường THCS Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Do vậy để tránh xáo trộn cuộc sống ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt và cũng là nguyện vọng của cháu K nên Hội đồng xét xử giao con chung là cháu K cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với tại các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có yêu cầu, đề nghị gì, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ vợ chồng:* Cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 03/11/2012 hiện nay cháu K đang ở với chị H. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu số: 0003314 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị H đã thực hiện xong án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Đình T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã Đại Tự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hưng